

# HIMAWARI A1 TEST

Câu 1: Hãy chọn chữ cái cần điền vào chỗ trống



か\_\_  
さちき



\_\_くえ  
っしう



み\_\_  
すずむ



\_\_お  
じしつ



\_\_ラダ  
シさサ



\_\_ーパー  
すすサ



\_\_マト  
タトと



バナ\_\_  
タなナ

Câu 2: Chọn từ vựng trong bảng và điền vào ô trống.


|   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|
| か | ぞ | く | さ | し | み |
| ね | こ | と | け | い | ぬ |
| は | な | た | い | こ | め |
| い | け | せ | か | い | ひ |
| す | そ | ば | う | え | き |
| ぐ | ん | い | す | ぼ | し |

# HIMAWARI A1 TEST

Câu 3: Hãy chọn số đếm thích hợp.




















Câu 4: Nghe và chọn từ vựng.

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

# HIMAWARI A1 TEST

Câu 5: Nối các từ với hình ảnh minh họa thích hợp



しお



かさ



しか



そば



かんじ



いす



かぞく



みず



かぜ

# HIMAWARI A1 TEST

Câu 6: Nối các từ với hình ảnh minh họa thích hợp



からだ

でぐち

まど



つき

て

そと



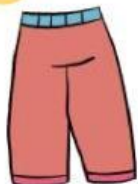
たいこ

くち

にく

# HIMAWARI A1 TEST

Câu 7: Nghe, quan sát và chọn từ vựng thích hợp



ズボン

カレー



チーズ

ケーキ



セーター

ズボン



スーパー

アイスクリーム



ピザ

テレビ



ドリアン

カレー



テニス

ズボン



ケーキ

ヌードル



ノート

テレビ



ネクタイ

ドリアン

Tên bé: